

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-PT

Ngày: 12-3-2025

“V/v tranh chấp dân sự-  
Đòi lại tài sản và vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Tùng;

*Các Thẩm phán:*  
1. Ông Lê Hồng Nước.  
2. Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Tấn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Võ Thị Trang- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 688/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2025/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2025QĐ-PT ngày 04/2/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

Địa chỉ trụ sở: Số B, L, Quận B, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám Đốc Ngân hàng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đinh Văn H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền lại:* Ông Nguyễn Thanh Đ, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ H, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Minh H1, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trần Thị Thu N, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Thu N:* Nguyễn Minh H1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Nguyễn Minh H2, sinh năm 1960; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Trần Thị M, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: ông Nguyễn Minh H1 là bị đơn, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Viện kiểm sát không kháng nghị.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa, chị N vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Nguyên đơn Ngân hàng N1 ủy quyền cho cho ông Hồ Quang T trình bày:

Ngân hàng N1 Chi nhánh C, tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt Ngân hàng Chi nhánh C) và anh Nguyễn Minh H1, có ký hợp đồng tín dụng số 6503LAV202203187 ngày 26/12/2022, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 95/AH ngày 26/12/2022, và các phụ lục kèm theo, nội dung Ngân hàng Chi nhánh C cho anh Nguyễn Minh H1 vay tiền như sau: Vốn vay tổng cộng: 1.550.000.000 đồng; Mục đích: nuôi cá thịt; Lãi suất vay ngắn hạn: 12%/năm (Ngân hàng có quyền điều chỉnh lãi suất theo thông báo niêm yết theo từng thời điểm); Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả 10%/năm; Thời hạn vay: 10 tháng; Thời hạn trả nợ cuối cùng: ngày 08/10/2023; Tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay: quyền sử dụng đất diện tích 4.539m<sup>2</sup> thửa đất số 98 tờ bản đồ số 22, địa chỉ: xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy CN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 08/01/2020 cho Người sử dụng đất là ông Nguyễn Minh H1.

Quá trình thực hiện, ngày 26/12/2022, Ngân hàng Chi nhánh C đã giải ngân chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi của anh Nguyễn Minh H1 mở tại Ngân hàng

N1 Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp số tiền 1.550.000.000 đồng. Bên vay tiền anh Nguyễn Minh H1 vi phạm hợp đồng, đóng lãi không đầy đủ và không trả vốn đúng thời hạn quy định. Tạm tính đến ngày 15/12/2023, còn dư nợ như sau: Nợ gốc: 1.550.000.000 đồng; Nợ tiền lãi: 143.704.110 đồng (tạm tính đến ngày 15/12/2023).

Nay Ngân hàng N1 (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Anh Nguyễn Minh H1 và chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M liên đới trả cho Ngân hàng nợ vay 1.693.704.110 đồng (gồm nợ gốc: 1.550.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 15/12/2023.693.704.110 đồng) và liên đới tiếp tục trả lãi từ ngày 16/12/2023 cho đến khi trả xong nợ vay, lãi suất và cách tính lãi theo quy định của hợp đồng tín dụng số 95/AH ngày 24/11/2022 và các phụ lục kèm theo.

- Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 95/AH ngày 26/12/2022 là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật, và Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp số 95/AH ngày 26/12/2022) để bảo đảm thi hành án trong trường hợp Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trả nợ vay theo quy định pháp luật.

2. Theo đơn phản tố ngày 25/3/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Bị đơn anh Nguyễn Minh H1 trình bày:

Đối với hợp đồng tín dụng và việc vay tiền:

- Anh Nguyễn Minh H1 thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2022 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 24/11/2022, và các phụ lục kèm theo, nội dung Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp cho anh Nguyễn Minh H1 vay tiền như sau: Vốn vay tổng cộng: 1.550.000.000 đồng; Mục đích: nuôi cá thịt; Lãi suất vay ngắn hạn: 12%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả 10%/năm; Thời hạn vay: 10 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/10/2023. Tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay: quyền sử dụng đất diện tích 4.539m<sup>2</sup> thửa đất số 98 tờ bản đồ số 22, địa chỉ: xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cấp ngày 08/01/2020 cho Người sử dụng đất là ông Nguyễn Minh H1.

- Anh Nguyễn Minh H1 xác nhận Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã chuyển khoản số tiền 1.550.000.000 đồng vào tài khoản tiền gửi của anh Nguyễn Minh H1 (chủ tài khoản) mở tại Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nhưng anh H1 chỉ rút, sử dụng số tiền 450.000.000 đồng do Ngân hàng đã chuyển khoản cho anh H1. Còn lại số tiền 1.100.000.000 đồng (= 1.550.000.000 đồng – 450.000.000 đồng) thì Ngân hàng chỉ cho anh H1 ký Giấy rút tiền ngày 26/12/2022, và Ngân hàng tự chuyển số tiền 1.100.000.000 đồng sang cho ông Nguyễn Minh H2 (là cha của anh H1) nộp vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để trừ vào phần nợ của bà Trần Thị M và ông Nguyễn Minh H2 còn phải thi hành án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 26/2013/QĐST-DSTC ngày 13/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Sau khi vay, anh H1 không đóng lãi đầy đủ và không trả vốn vay 450.000.000 đồng đúng hạn theo quy định hợp đồng.

- Nay anh Nguyễn Minh H1 không đồng ý trả cho Ngân hàng N1 nợ vay 1.693.704.110 đồng (nợ gốc: 1.550.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 15/12/2023.693.704.110 đồng), và không đồng ý cho Ngân hàng là 143.704.110 đồng), và không đồng ý cho Ngân hàng tục trả lãi từ ngày 16/12/2023 cho đến khi trả xong nợ vay, lãi suất và cách tính lãi theo quy định của hợp đồng tín dụng số 95/AH ngày 24/11/2022 và các phụ lục kèm theo.

- Anh Nguyễn Minh H1 chỉ thừa nhận còn nợ gốc (vốn vay) là 450.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc 450.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng nợ vay (nợ gốc) 450.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc 450.000.000 đồng. Anh H1 không yêu cầu chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M liên đới trả nợ vay với anh H1.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 95/AH công chứng ngày 26/12/2022:

- Anh Nguyễn Minh H1 xác nhận đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng ngày 26/12/2022, nhưng anh Nguyễn Minh H1 yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 95/AH ngày 26/12/2022

tại quyền sử dụng đất diện tích 4.539m<sup>2</sup> thửa đất số 98 tờ bản đồ số 22, (đã bị thu hồi 396m<sup>2</sup> làm đường nông thôn), địa chỉ: xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy CN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 08/01/2020 cho Người sử dụng đất là ông Nguyễn Minh H1, vì anh H1 bị nhầm lẫn nên ký hợp đồng thế chấp này.

2. Theo các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thu N (ủy quyền cho anh Nguyễn Minh H1), ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M trình bày:

Đối với hợp đồng tín dụng và việc vay tiền:

- Chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M thống nhất với ý kiến của anh Nguyễn Minh H1 trình bày về việc vay tiền. Chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M thừa nhận có ủy quyền cho anh Nguyễn Minh H1 ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền như anh H1 trình bày.

- Chị Trần Thị Thu N không đồng ý liên đới trả nợ vay với anh H1 vì anh H1 sử dụng tiền vay Ngân hàng vào việc làm ăn buôn bán của riêng anh H1, không sử dụng vào việc mua sắm tài sản, chi tiêu vào nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống chung vợ chồng anh H1 chị N. Ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M đồng ý liên đới với anh Nguyễn Minh H1 trong việc trả cho Ngân hàng nợ vay (nợ gốc) 450.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc 450.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 95/AH công chứng ngày 26/12/2022: Chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2 và bà Trần Thị M đều xác định, xác nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.539m<sup>2</sup> thửa đất số 98 tờ bản đồ số 22 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho cá nhân anh Nguyễn Minh H1, nên chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M đều không có chung quyền sử dụng đất tại thửa đất số 98 này. Do đó chị Trần Thị Thu N (ủy quyền cho anh Nguyễn Minh H1), ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M không tranh chấp, không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Minh H1 về việc thế chấp thửa đất số 98 này.

### **3. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh H1 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 95/AH ngày 26/12/2022 là hợp đồng vô hiệu.

- Buộc Anh Nguyễn Minh H1 và chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M liên đới trả cho Ngân hàng nợ vay 1.693.704.110 đồng (nợ gốc: 1.550.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 15/12/2023.693.704.110 đồng) và tiếp tục trả lãi từ ngày 16/12/2023 cho đến khi trả xong nợ vay, lãi suất và cách tính lãi theo quy định của hợp đồng tín dụng số 95/AH ngày 24/11/2022 và các phụ lục kèm theo.

- Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 95/AH ngày 26/12/2022 là hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp số 95/AH ngày 26/12/2022) để bảo đảm thi hành án trong trường hợp Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trả nợ vay theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo.

**4.** Sau khi xét xử sơ thẩm, anh H1, ông H2, bà M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần khởi kiện của Ngân hàng với số tiền 450.000.000 đồng.

#### **5. Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Anh Nguyễn Minh H1 chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp số tiền vốn vay 450.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền 450.000.000 đồng, và yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 4.539m<sup>2</sup> thửa đất số 98 tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cấp ngày 08/01/2020 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Minh H1, công chứng ngày 26/12/2022, giữa anh Nguyễn Minh H1 (bên thế chấp) với Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp (bên nhận thế chấp).

- Ông Nguyễn Minh H2 và bà Trần Thị M không đồng ý liên đới với anh Nguyễn Minh H1 trả nợ vay cho Ngân hàng N1.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:



[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh H1; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Anh Nguyễn Minh H1 thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng N1 để vay số tiền 1.550.000.000 đồng. Anh H1 đã rút, sử dụng số tiền 450.000.000 đồng là tiền vay Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi của anh Nguyễn Minh H1 (chủ tài khoản) mở tại Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp và cho rằng có ký tên vào “Giấy rút tiền” ngày 26/12/2022 số tiền 1.100.000.000 đồng nhưng không nhận được số tiền 1.100.000.000 đồng này, vì Ngân hàng tự lấy số tiền 1.100.000.000 đồng này chuyển sang cho ông Nguyễn Minh H2 nộp vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, để trừ vào khoản nợ vay Ngân hàng mà ông Nguyễn Minh H2 và bà Trần Thị M (là cha mẹ anh H1) phải thi hành án. Ông Nguyễn Minh H2 và bà Trần Thị M cũng trình bày ngày 26/12/2022 ông Nguyễn Minh H2 (là cha của anh H1) có ký “Giấy nộp tiền” số tiền 1.100.000.000 đồng vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành mở tại Ngân hàng Chi nhánh C, nguồn gốc số tiền 1.100.000.000 đồng này là của anh Nguyễn Minh H1 vay. Như vậy xác định anh H1 đã có vay 1.550.000.000 đồng, đã sử dụng số tiền 450.000.000 đồng và chuyển cho ông H2 và bà M số tiền 1.100.000.000 đồng để ông H2, bà M1 trả nợ thi hành án chứ Ngân hàng không tự ý rút tiền của anh H1 để trả cho Thi hành án.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ anh Nguyễn Minh H1 đã rút số tiền 1.100.000.000 đồng (là một phần của số tiền 1.550.000.000 đồng vay của Ngân hàng) trong tài khoản tiền gửi (theo “Giấy rút tiền” (1.100.000.000 đồng) ngày 26/12/2022) và chuyển giao cho ông Nguyễn Minh H2 số tiền 1.100.000.000 đồng để ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M nộp vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành trả nợ thi hành án mà bà M và ông H2 đang thi hành án (theo “Giấy nộp tiền” ngày 26/12/2022). Do đó, anh Nguyễn Minh H1 cho rằng anh H1 chỉ vay số tiền 450.000.000 đồng là không có cơ sở.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M thừa nhận có ký Hợp đồng ủy quyền, văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Minh H1 ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhận vốn vay. Anh Nguyễn Minh H1 và chị Trần Thị Thu N là vợ chồng có đăng ký kết hôn, anh Nguyễn Minh H1 và bà Trần Thị M và ông Nguyễn Minh H2 thừa nhận



anh H1 chuyển giao số tiền 1.100.000.000 đồng cho ông Nguyễn Minh H2 để ông H2 và bà M nộp trả nợ thi hành án. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ cùng anh H1 của ông H2 bà M.

[2.3] Về hợp đồng thế chấp: Xét thấy Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Minh H1 vay 1.550.000.000 đồng với điều kiện anh Nguyễn Minh H1 phải có tài sản *thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay* là quyền sử dụng đất diện tích 4.539m<sup>2</sup> thửa đất số 98 tờ bản đồ số 22, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 08/01/2020 cho Người sử dụng đất là ông Nguyễn Minh H1. Chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M đều xác nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.539m<sup>2</sup> thửa đất số 98 tờ bản đồ số 22 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho cá nhân anh Nguyễn Minh H1, nên chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M đều không có chung quyền sử dụng đất tại thửa đất số 98 này, do đó chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M không tranh chấp, không có ý kiến, yêu cầu gì đối với việc thế chấp thửa đất số 98 này. Đồng thời, chị N, ông H2, bà M là người chung hộ cũng có ký văn bản ủy quyền cho anh H1 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 4.539m<sup>2</sup> thửa đất số 98 tờ bản đồ số 22, công chứng ngày 26/12/2022, giữa anh Nguyễn Minh H1 (bên thế chấp) với Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp không bị nhầm lẫn nên có hiệu lực và giá trị pháp lý.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh H1, bà Trần Thị M và ông Nguyễn Minh H2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đối với việc anh Nguyễn Minh H1 chuyển giao cho ông Nguyễn Minh H2 và bà Trần Thị M số tiền 1.100.000.000 đồng vào ngày 26/12/2022 để ông H2 bà M nộp trả nợ thi hành án. Xét thấy đây là thỏa thuận riêng của anh Nguyễn Minh H1 với ông Nguyễn Minh H2 và bà Trần Thị M; anh Nguyễn Minh H1 với ông Nguyễn Minh H2 và bà Trần Thị M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết thỏa thuận này trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên anh Nguyễn Minh H1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Minh H2 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 148, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;*

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh H1, bà Trần Thị M và ông Nguyễn Minh H2;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành;

#### **\*Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh H1 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 95/AH ngày 26/12/2022 là hợp đồng vô hiệu.

3. Buộc Anh Nguyễn Minh H1 và chị Trần Thị Thu N, ông Nguyễn Minh H2, bà Trần Thị M liên đới trả cho Ngân hàng nợ vay 1.693.704.110 đồng (nợ gốc: 1.550.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 15/12/2023.693.704.110 đồng) và tiếp tục trả lãi từ ngày 16/12/2023 cho đến khi trả xong nợ vay, lãi suất và cách tính lãi theo quy định của hợp đồng tín dụng số 95/AH ngày 24/11/2022 và các phụ lục kèm theo.

4. Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 95/AH ngày 26/12/2022 là hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp số 95/AH ngày 26/12/2022) để bảo đảm thi hành án trong trường hợp Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trả nợ vay theo quy định pháp luật.

5. Án phí:

5.1. Miễn án phí cho ông Nguyễn Minh H2 và bà Trần Thị M.

5.2. Anh Nguyễn Minh H1 và chị Trần Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.896.650 đồng.

5.3. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 31.410.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002169 ngày 20/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.4. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Minh H1 phải chịu 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013504 ngày 09/9/2024 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Nguyễn Minh H1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.399.520 đồng (đã nộp và thanh toán xong).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Tùng**

